

Bản án số: 27/2018/HS-ST
Ngày: 18-4-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DIỄN CHÂU, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Trung.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Thùy Linh. Nơi công tác: Bí thư Đoàn xã Diễn Bình.

Bà Nguyễn Thị Liên. Nơi công tác: Chủ tịch Hội phụ nữ xã Diễn Bích.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hải Yến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Diễn Châu tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Hồng Bá - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 18/2018/TLST-HS ngày 16 tháng 3 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2018/QĐXXST-HS ngày 05/4/2018, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Xuân T** (tên gọi khác: không); sinh ngày: 27 tháng 02 năm 2000 (17 tuổi, 09 tháng, 11 ngày) tại huyện D, tỉnh Nghệ An; nơi cư trú: Xóm 4, xã DT, huyện D, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Xuân T1 và con bà Nguyễn Thị T2; vợ, con: Chưa có; tiền sự: Không; tiền án: Ngày 18/7/2017 bị Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Nghệ An xử phạt 06(sáu) tháng cải tạo không giam giữ (Bản án số 270/2017/HSST); tạm giữ, tạm giam: không. Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo:

Bà Phan Thị T3, sinh năm 1957. Có mặt.

Nơi cư trú: Xóm 4, xã DT, huyện D, Nghệ An.

- Người bào chữa cho bị cáo:

Bà Phan Thị Th. Trợ giúp viên pháp lý. Vắng mặt.

Nơi công tác: Chi nhánh Trợ giúp pháp lý số 1 huyện D, Nghệ An.

- Người bị hại:

Chị Hoàng Thị Thảo M, sinh năm 1966. Có mặt.

Anh Cao Thanh Th1, sinh năm 1964. Có mặt.

Cùng nơi cư trú: Xóm 4, xã DT, huyện D, Nghệ An.

Anh Thái Võ Ngh, sinh năm 1992. Vắng mặt.

Nơi cư trú: Khố 2, thị trấn D, huyện D, Nghệ An.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

Bà Võ Thị T4, sinh năm 1956. Có mặt.

Nơi cư trú: Khố 2, thị trấn D, huyện Diễn Châu, Nghệ An.

- *Người làm chứng:*

Chị Chu Thị Ngọc H, sinh năm 1988. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Vụ thứ nhất: Khoảng 24 giờ, ngày 09/12/2017, do thiếu tiền trả nợ và tiêu xài, Nguyễn Xuân T trèo tường vào sân, đi cửa sau vào phòng ngủ của gia đình chị Hoàng Thị Thảo M, anh Cao Thanh Th1, lấy 01 túi xách để trên bàn trang điểm. Sau đó, T đi về phòng trọ của mình tại xóm 6, xã DT mở túi xách thấy có tiền mặt 9.075.000đồng, 01 ví da màu đen, 01 chứng minh nhân dân, 01 giấy phép lái xe, 01 thẻ bảo hiểm y tế, tất cả giấy tờ đều mang tên Hoàng Thị Thảo M. Sáng ngày hôm sau, T mang số tiền trên đi trả nợ cho hiệu cầm đồ Tuấn La tại xã DN hết 5.850.000đồng và mua 01 điện thoại Iphone 5 với giá 2.100.000đồng. Đến ngày 11/12/2017, T đến Công an đầu thú giao nộp lại: 01 túi xách da; 01 ví da màu đen; và chứng minh nhân dân, giấy phép lái xe ô tô, thẻ bảo hiểm y tế, mang tên Hoàng Thị Thảo M; 01 giấy lĩnh lương hưu và trợ cấp bảo hiểm xã hội mang tên Cao Thanh Th1; 01 điện thoại di động Iphone 5.

Vụ thứ hai: khoảng 01 giờ ngày 17/01/2018, T đi bộ từ phòng trọ lên khối 2, thị trấn D, khi đi qua thấy cửa cổng nhà bà Võ Thị T4 không khóa, T lên vào sân nhà lấy 01 xe máy mang biển kiểm soát 37F1-713.72 dựng ở sân, mở khóa, nổ máy chạy về phòng trọ. Sáng hôm sau kiểm tra trong cốp xe thấy có hơn 1 triệu đồng, một số thẻ bảo hiểm và các loại giấy tờ khác. T tháo gương xe đem đến đoạn đường mới sau chợ DT vớt gương và giấy tờ, rồi đưa xe máy đến ốt sửa xe của anh Th thay ống bô và dán lại xe hết 750.000đồng.

Tại phiên tòa, bị cáo T khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố, trong khoảng thời gian từ 09/12/2017 đến 17/01/2018, T đã thực hiện hành vi trộm cắp tiền của gia đình chị M và xe máy của anh Ngh, tổng

giá trị tài sản 02 vụ trộm cắp 17.575.000đồng (mười bảy triệu, năm trăm, bảy mươi lăm ngàn đồng).

- Về các vấn đề khác của vụ án:

Thủ tục định giá: Ngày 23/01/2018 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D yêu cầu định giá tài sản. Tại Biên bản định giá và Kết luận định giá tài sản cùng ngày của Hội đồng định giá Ủy ban nhân dân huyện D, xác định giá trị: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave anpha, biển kiểm soát 37F1-713.72 màu trắng đen bạc: 7.000.000đồng (bảy triệu đồng); 01 túi xách da: 350.000đồng; 01 ví da màu đen: 150.000đồng. 01 điện thoại di động Iphone 5, màu bạc: 1.800.000đồng.

Vật chứng và xử lý vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện D đã tiến hành trả: 01 xe máy Wave anpha, biển kiểm soát 37F1-713.72 màu trắng đen bạc cho anh Ngh. Chứng minh nhân dân, giấy phép lái xe ô tô, thẻ bảo hiểm y tế, giấy lĩnh lương, túi xách, ví da cho gia đình chị M.

Trách nhiệm dân sự: Người bị hại anh Ngh yêu cầu bị cáo bồi thường 1.000.000đồng, chị M yêu cầu bị cáo bồi thường 9.075.000đồng. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì.

Quá trình điều tra người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận định giá tài sản nêu trên. Bị cáo cũng không có ý kiến gì.

- Bản cáo trạng số 22/CT-VKSDC-NA ngày 16/3/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện D truy tố bị cáo Nguyễn Xuân T, về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân T 06-09 tháng tù. Hình phạt cải tạo không giam giữ đã chấp hành xong, nên không tổng hợp.

Dân sự: Buộc bị cáo bồi thường cho anh Ngh, chị M.

Bị cáo không tranh luận gì về tội danh. Lời nói sau cùng: do thiếu sự giáo dục của cha mẹ, nên xin Hội đồng xét xử cho cháu mức án nhẹ nhất, để cháu có cơ hội làm lại, làm người có ích.

Đại diện hợp pháp của bị cáo bà Phan Thị T3 trình bày: Bà đã già, không có tiền để bồi thường hộ cháu, nên đề nghị để bị cáo bồi thường.

Bị hại chị M, anh Th1: ngoài khoản yêu cầu bồi thường trước đây, anh chị yêu cầu bị cáo phải bồi thường tiếp 2.000.000đồng giá trị chiếc đồng hồ.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị T4 có mặt không có yêu cầu gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện D, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện D, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã được thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, T khai nhận: Khoảng 24 giờ, ngày 09/12/2017, đã lấy túi xách có chứa 9.075.000đồng, 01 ví da màu đen, 01 chứng minh nhân dân, 01 giấy phép lái xe, 01 thẻ bảo hiểm y tế, tất cả giấy tờ đều mang tên Hoàng Thị Thảo M, 01 giấy lĩnh lương mang tên Cao Thanh Th1. Và khoảng 01 giờ ngày 17/01/2018, lấy 01 xe máy mang biển kiểm soát 37F1-713.72 của anh Thái Võ Ngh. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra và các chứng cứ, tài liệu khác có tại hồ sơ vụ án. Bị cáo nhận thức được việc lén lút trộm cắp tài sản của người khác là làm ảnh hưởng, xâm phạm đến việc thực hiện quyền sở hữu của họ. Bị cáo đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự và có năng lực trách nhiệm hình sự. Phạm tội với lỗi cố ý. Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự quy định “Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000đồng đến dưới 50.000.000đồng..., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”, như vậy hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản có giá trị 17.575.000đồng của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” như cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện D truy tố.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, làm ảnh hưởng đến an toàn, trật tự công cộng, gây ra tâm lý, lo lắng trong cộng đồng dân cư. Do đó, cần xử phạt bị cáo với mức hình phạt nghiêm minh, tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, mới có đủ điều kiện để giáo dục, cải tạo bị cáo, đồng thời răn đe và phòng ngừa chung. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi, do đó cần áp dụng các quy định đối với người dưới 18 tuổi để quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ hình phạt: trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi thực hiện hành vi phạm tội lần thứ nhất đã ra đầu thú, nên áp dụng quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo thể hiện sự khoan hồng của pháp luật. Tuy nhiên, bị cáo đang chấp hành hình phạt 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ, về tội “Trộm cắp tài sản” tại bản án số 270/2017/HSST ngày 13/7/2017 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Nghệ An (khi phạm tội này bị cáo đã đủ 17 tuổi). Lại tiếp tục phạm tội. Do đó, cần áp

dụng tình tiết tăng nặng tái phạm tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với bị cáo. Xét các hình phạt và biện pháp giáo dục khác không có tác dụng răn đe và phòng ngừa, nên cần cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian để giáo dục, cải tạo bị cáo. Hình phạt 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ tính từ ngày 10/9/2017 đến ngày xét xử 18/4/2018, bị cáo đã chấp hành xong, nên không tổng hợp.

[5] Hình phạt bổ sung: khi phạm tội bị cáo chưa đủ 18 tuổi nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

[6] Đánh giá về vật chứng, xử lý vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện D đã tiến hành trả 01 xe máy Wave anpha, biển kiểm soát 37F1-713.72 màu trắng đen bạc cho anh Ngh. Chứng minh nhân dân, giấy phép lái xe ô tô, thẻ bảo hiểm y tế, giấy lĩnh lương, túi xách, ví da cho gia đình chị M. 01 điện thoại Iphone 5 màu bạc chuyển giao cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện D bảo quản, quản lý theo thẩm quyền. Là đúng quy định pháp luật.

[7] Trách nhiệm dân sự: Người bị hại anh Ngh yêu cầu bị cáo bồi thường 1.000.000đồng, chị M yêu cầu bị cáo bồi thường 9.075.000đồng và 2.000.000đồng (hai triệu đồng), trị giá chiếc đồng hồ bị mất. Xét yêu cầu của người bị hại là hợp lý, có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật, tại phiên tòa bị cáo chấp nhận bồi thường. Khi xét xử, bị cáo đã đủ 18 tuổi, do đó, cần áp dụng các quy định tại khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; khoản 1 Điều 584, 585, 586 Bộ luật Dân sự buộc bị cáo bồi thường cho anh Ngh 1.000.000đồng, chị M 11.075.000đồng.

[8] Biện pháp tư pháp: Điện thoại Iphone 5 không liên quan đến việc phạm tội, do đó trả lại cho bị cáo.

[9] Về án phí hình sự: bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự, tuyên bố bị cáo Nguyễn Xuân T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân T 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

Trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; khoản 1 Điều 584, 585, 586 Bộ luật Dân sự buộc bị cáo có nghĩa vụ bồi thường cho anh Thái Võ Ngh 1.000.000đồng (một triệu đồng), anh Cao Thanh Th1 và chị Hoàng Thị Thảo M 11.075.000đồng (mười một triệu, không trăm, bảy mươi lăm ngàn đồng).

Biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự trả lại điện thoại Iphone 5 cho bị cáo. (Tình trạng theo Phiếu nhập kho số 247 ngày 16/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Nghệ An).

Quyền yêu cầu thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

“Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều các 6, 7, 7a, 7b và điều 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự” (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Án phí: áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 buộc bị cáo Nguyễn Xuân T phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 603.000 đồng (sáu trăm linh ba ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt, có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt, có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày, kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện D;
- CA huyện D(NVCS);
- CCTHA Dân sự huyện D;
- THA hình sự;
- Sở Tư pháp;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ + Lưu trữ.

(Đã ký)

Nguyễn Quang Trung